

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Đức, TP. Hồ Chí Minh
-----000-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----000-----
Tp HCM, ngày tháng 3 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức

Trụ sở chính : Km 9, Xa lộ Hà nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại : 028 22144647

Fax : 028 38963159

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Minh Quang- Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ : Km 9 xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại : 0963 964 165

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo Thường niên năm 2018.

Để thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định, Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức kính gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nội dung công bố thông tin như đã nêu trên.

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.codientd.com> ngày /3/2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đính kèm:

Báo cáo Thường niên năm 2018.

**Người thực hiện công bố thông tin
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN MINH QUANG

Số: 05 /BC-CDTD-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức
Năm 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế số: 0301824508.
- Vốn điều lệ: 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).
- Địa chỉ: Km số 9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028.22144647
- Số fax: 028.38.963159
- Website: www.codientd.com
- Email: codientd@vnn.vn
- Mã cổ phiếu: EMC

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tiền thân là Nhà Máy Sửa Chữa Cơ Điện - là một doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Công ty Điện lực 2, được thành lập từ năm 1976. Năm 1996 đổi tên thành Nhà Máy Cơ Điện. Đến tháng 6/1999, tách khỏi Công Ty Điện Lực 2 và trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 31/1999/QĐ-BCN ngày 03/06/1999 của Bộ Công nghiệp Việt Nam, và đổi tên thành Công ty Cơ điện Thủ Đức.

- Theo Quyết định số 337/QĐ-BCN, ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp; Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 15/10/2007 của Bộ Công Thương Công Ty Cơ Điện Thủ Đức được duyệt phương án cổ phần hoá chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần.

- Sau khi tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, ngày 02/01/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công Ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần, trong đó Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) giữ 40,05 % vốn điều lệ (đến thời điểm 31/12/2016).

- Ngày 29/11/2012, theo Quyết định chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số: 128/QĐ-SGDHCM, ngày 31/8/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, CTCP Cơ điện Thủ Đức đã chính thức đăng ký niêm yết 8.073.000 cổ phiếu của Công ty giao dịch chứng khoán trên sàn TP.HCM (HoSE), với mã chứng khoán EMC.

- Năm 2016, Theo giấy chứng nhận số 10/GCN-UBCK ngày 04/02/2016, Công ty phát hành thành công 3.400.000 cổ phần ra công chúng và đã niêm yết bổ sung trên sàn HoSE. Đồng thời, Công ty cũng đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 5 ngày 20/06/2016 tăng vốn điều lệ từ 80.730.000.000 đồng lên 114.730.000.000 đồng.

- Đến cuối tháng 3/2018, thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ngành Điện, Tập đoàn Điện lực Việt nam đã thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại CTCP Cơ điện Thủ Đức (40,05 % vốn Điều lệ) theo phương thức khớp lệnh trên sàn chứng khoán HoSE.

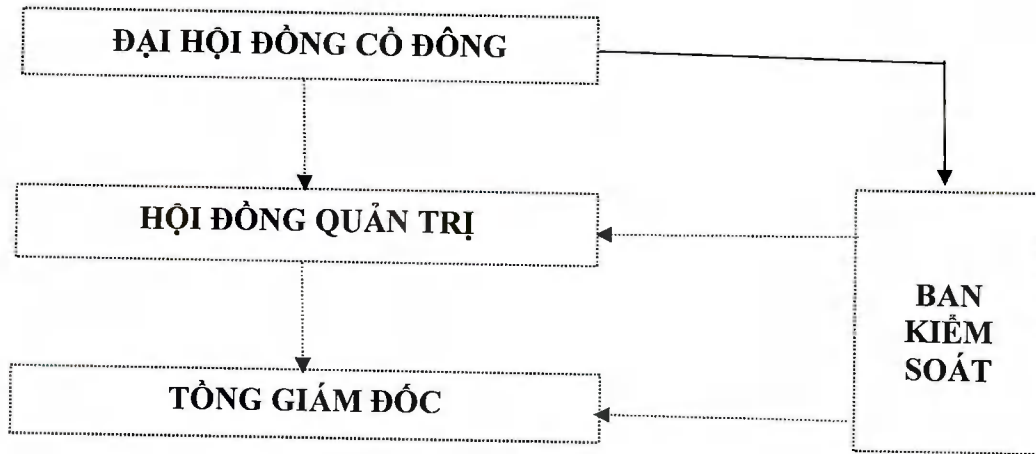
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Kinh doanh và XNK máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện. Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Xây lắp công trình điện công nghiệp và dân dụng đến cấp điện áp 220KV; Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh khách sạn; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Sản xuất cáp điện, dây điện từ các loại; Khai thác, xây dựng công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Kinh doanh bất động sản...

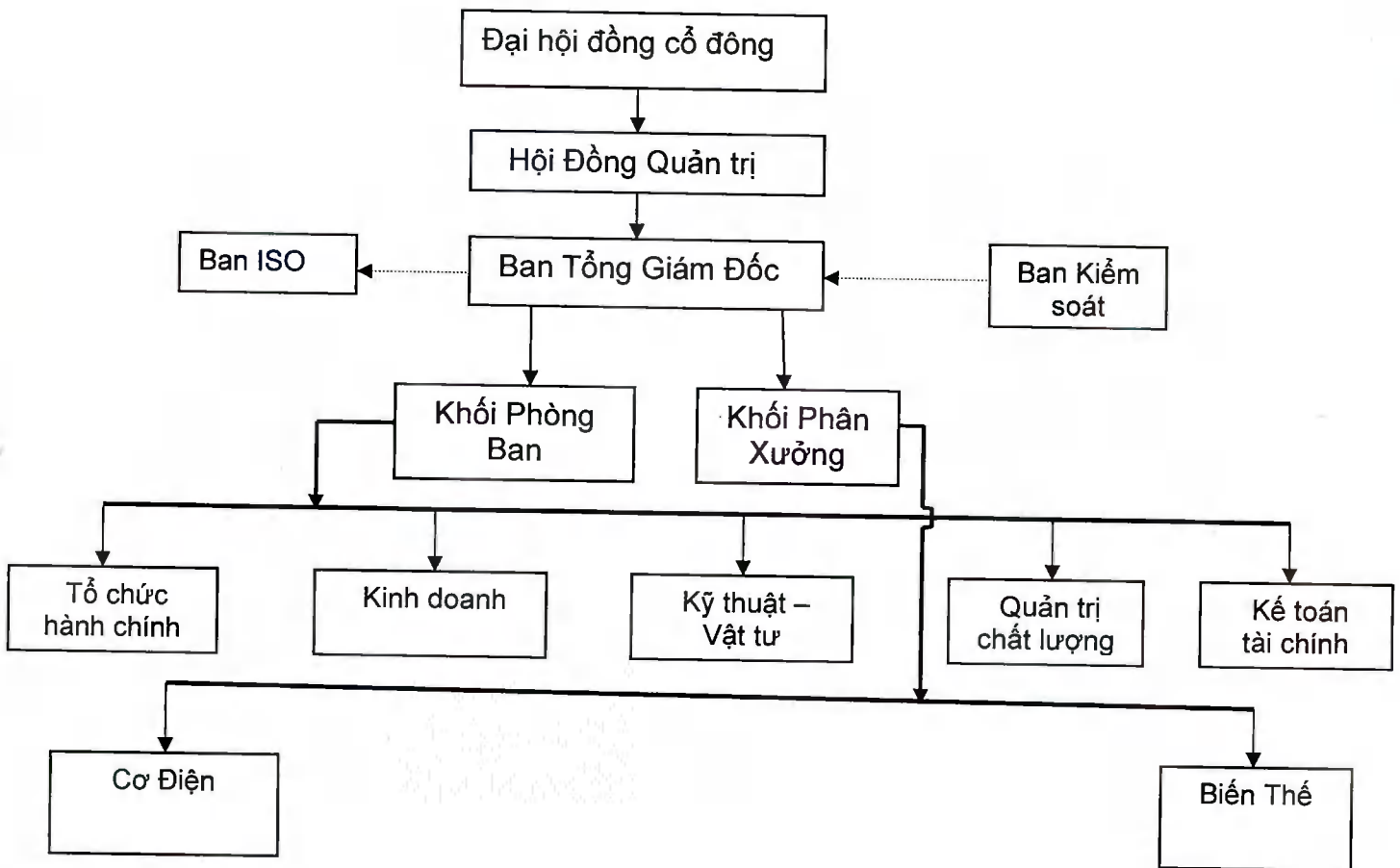
2.2. Địa bàn kinh doanh: Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên phạm vi cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh theo các chức năng kinh doanh của Công ty nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, thực hiện các công tác xã hội và phát triển Công ty ngày càng phát triển bền vững, cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư để phát triển các sản phẩm, hàng hóa trong nước sản xuất được.
- Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Coi trọng và ưu tiên mọi nguồn lực của Công ty cùng với sự quan tâm của Nhà nước, các cấp Bộ ngành để đầu tư xây dựng mới, cải tạo nhà xưởng, mua sắm các thiết bị công nghệ mới hiện đại phục vụ cho công tác thiết kế, chế tạo thử nghiệm sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm đã sản xuất được và phát triển nhiều sản phẩm mới, đặc biệt là máy biến áp phân phối siêu tổn thất và máy biến áp lực dung lượng tới 63MVA – điện áp 110KV.
- Liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm có chất lượng cao mà trong nước chưa sản xuất được. Nhập khẩu các công nghệ và thiết bị sản xuất hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

4.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Đầu tư công nghệ và trang bị thêm thiết bị hiện đại, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới có chất lượng phù hợp với đa dạng đối tượng khách hàng trên cơ sở phát triển nguyên vật liệu sẵn có trong nước. Cải tiến, nâng cấp mẫu mã, chất lượng và nhãn mác sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm trong nước và ngoài nước, tập trung đầu tư vào các vùng thị trường còn thiếu, còn yếu. Nâng cao thị phần cung cấp thiết bị cơ khí- thiết bị điện trong cả nước và tăng cường công tác xuất khẩu. Từng bước áp dụng phương thức phân phối hiện đại kết hợp hệ thống phân phối truyền thống hiện có. Chú trọng vào công tác chống giả mạo, mượn danh nghĩa và bảo vệ thương hiệu EMC của Công ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất và năng lực cạnh tranh để tiến tới xuất khẩu sản phẩm.

- Công ty sẽ tập trung vào công tác hỗ trợ khách hàng và thực hiện tốt dịch vụ hậu mãi; có chiến lược kinh doanh linh hoạt, nhất là đối với những khách hàng có doanh thu tốt đảm bảo chính sách bán hàng của Công ty trong từng thời kỳ.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Tiếp tục thực hiện và duy trì tốt hệ thống quản lý lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tích cực tham gia bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng những nguyên vật liệu sạch, thân thiện với môi trường; đồng thời hoàn thiện, nâng cấp hệ thống trang thiết bị xử lý hệ thống nước thải, vệ sinh môi trường. Duy trì các hoạt động xã hội và hợp tác chặt chẽ với các đơn vị, khách hàng, để công tác phục vụ cộng đồng và người dân ngày càng tốt hơn.

5. Các rủi ro:

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các mục tiêu của Công ty:

5.1. Rủi ro về kinh tế và tăng trưởng kinh tế:

Sự biến động của lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực chế tạo các loại máy biến áp (trong đó nguyên vật liệu chính để sản xuất chiếm tỷ lệ 60% phải nhập khẩu) nên có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô trong nước có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ quá trình phát triển của Công ty.

5.2. Rủi ro lạm phát:

Năm 2019, lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục có mức tăng thấp (khoảng 2%) nhưng vẫn có một số nhân tố có thể gây lạm phát khó lường như tín dụng tăng trưởng cao hơn, gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp về cả mặt bằng đầu vào và đầu ra cũng như các hoạch định chiến lược của các doanh nghiệp và của Công ty

5.3. Rủi ro lãi suất:

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính vì thế, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, Công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn, đồng thời tăng cường huy động vốn cho sản xuất kinh doanh từ các cổ đông của Công ty qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

5.4. Rủi ro về luật pháp:

Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó Luật và các văn bản luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là

vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên phần nào đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam.

5.5. Rủi ro về nguồn nguyên liệu:

Các loại vật liệu chính như tôn tấm, tôn silic, thép vô định hình amorphous, dây điện từ, đồng, dầu biến thế, xăng dầu... Công ty sử dụng chủ yếu được mua lại từ các Công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm vừa qua, giá các loại nguyên vật liệu này biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sử dụng các nguồn nguyên vật liệu này nói chung và Công ty nói riêng.

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện công tác nhập khẩu trực tiếp vật tư nguyên liệu chủ yếu để sản xuất dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Đồng thời, Công ty cũng có dự báo và kế hoạch nguồn nguyên liệu dự trữ linh hoạt, đặc biệt là nguyên liệu chính để chủ động trong sản xuất.

5.6. Rủi ro về tỷ giá:

Trong hoạt động kinh doanh chung, Công ty thực hiện công tác sản xuất một phần phải nhập khẩu nguồn nguyên vật liệu từ nước ngoài. Nguồn nguyên liệu nhập khẩu của Công ty chủ yếu được mua từ các nước G7, Nhật, Nga ... Việc thanh toán tiền hàng được sử dụng bằng các ngoại tệ như USD, EUR, JPY... Do vậy bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.7. Rủi ro về sản lượng và tiêu thụ sản phẩm:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa vào một phần của công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm của các khách hàng trong ngành Điện, khách hàng công nghiệp địa phương...trong các năm tới. Do đó, nếu có yếu tố khách quan hoặc bất khả kháng nào làm sản lượng, sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm thực tế thấp hơn dự báo cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

5.8. Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn..., là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, hàng hóa thành phẩm tồn kho và bảo hiểm con người.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đvt: triệu đồng

STT	Mô tả	2016	2017	2018
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	276.729	259.081	294.701
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	736	2.264	32
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.296	1.198	632
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty.	1.296	1.198	632
1	Tăng trưởng doanh thu thuần	-13%	-6,4%	13.7%
2	Tăng trưởng lợi nhuận HĐKD	-85%	308%	-98.6%
3	Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-57%	-7,6%	-47.2%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016-2018

Trong năm 2018 tình hình kinh tế cho thấy kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, tiếp tục được cải thiện, đã khép lại với nhiệm điểm sáng. GDP vượt chỉ tiêu đề ra với mức tăng trưởng khoảng 7.08%. Với những nỗ lực ổn định vĩ mô, cải cách thể chế, thủ tục hành chính nhằm nâng cao môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia, nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ sẵn sàng cho quá trình hội nhập sâu rộng. Tỷ lệ nợ trên vốn của các doanh nghiệp nhà nước đã xuống thấp do chương trình thoái hóa vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần. Mặc dù viễn cảnh trước mắt có thể thuận lợi nhưng còn tồn tại những rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Dư nợ dự phòng lớn trong khu vực công, khiến cho nợ công tăng nhanh; khó khăn của nền kinh tế trong nước và ngành sản xuất cơ khí nói riêng, đã có ảnh hưởng đến sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất thiết bị cơ khí điện như Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức. Tuy nhiên, bằng nỗ lực của tập thể người lao động, sự quyết tâm của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Công ty đã linh hoạt vận dụng các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp tại từng thời điểm để cố gắng đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Năm 2018, nhiều yếu tố trong giá thành phải điều chỉnh tăng theo quy định của nhà nước (như: giá tiền điện, lương tối thiểu để trích đóng BHXH-BHYT, tiền thuế nhà đất ...) làm ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí giá vốn chung của các doanh nghiệp.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn như đã nêu, nhưng Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã quyết tâm vượt qua, đã tìm kiếm và thực hiện nhiều giải pháp kinh tế kỹ thuật,

giảm chi phí để bù đắp những chi phí gia tăng. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông 2018 giao cho, cụ thể:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty chỉ đạt 294.701 triệu đồng, tăng 13.7% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ đạt 632 triệu đồng, giảm 47.2% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ đạt 79% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông 2018 thông qua. (632/800 triệu đồng).

Nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế không đạt: Do chi phí bán hàng năm 2018 tăng 2.32 tỷ đồng so với năm 2017 (do tăng chi phí giao hàng và chi phí bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh bảo hành), chi phí quản lý doanh nghiệp tăng (do chi phí trợ cấp nghỉ việc cho người lao động tăng cao so với các năm trước, sau khi Công ty thực hiện chương trình tái cơ cấu, sắp xếp lại lực lượng lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả...).

1.2. Tình hình biến động các khoản chi phí:

Đvt: triệu đồng

STT	Chi phí	2017	2018	2019
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	231.121	228.646	264.850
2	Chi phí bán hàng	16.153	6.037	8.353
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.392	14.578	14.959
4	Chi phí tài chính	9.967	8.506	6.755
5	Chi phí khác	895	1.771	52
	Tổng chi phí	276.809	259.038	294.969
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/DTT	84%	88%	90%
2	Chi phí bán hàng/DTT	6%	2%	3%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp/DTT	7%	6%	5%
4	Chi phí tài chính/DTT	4%	3%	2%
5	Chi phí khác/DTT	0%	1%	0%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

♣ Ông: BÙI PIUỐC QUẢNG *Tổng Giám đốc*

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, trong đó:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước (EVN): 0 cổ phần

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
02/1992	10/1992	Nhân viên phòng Tài vụ – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện.
11/1992	07/1996	Nhân viên phòng KHKT – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện
07/1996	11/1999	Phó Trưởng phòng Kinh doanh – Nhà máy sửa chữa Cơ Điện
11/1999	03/2000	Phó Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
03/2000	04/2000	Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
04/2000	10/2000	Chánh Văn phòng – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
10/2000	10/2004	Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
11/2004	05/2014	Kế toán trưởng Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức
05/2014	07/2015	Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức
07/2015	nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức

♣ Ông: HUỖNH VĨNH PIUÚ *Phó Tổng Giám đốc*

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
1983	1987	Nhân viên Phân xưởng sửa chữa Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
1988	1992	Nhân viên Phòng Kế hoạch Nhà máy Cơ Điện - Công ty Điện lực 2.
1992	1996	Phó Phòng Kỹ Thuật Nhà máy Cơ Điện - Công ty Điện lực 2.
1996	2000	Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
2000	2004	Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
2004	06/2016	Trưởng Phòng Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
06/2016	nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.

♣ Ông: PIUÙNG QUANG KHANG *Phó Tổng Giám đốc*

- Số lượng cổ phần sở hữu: 2 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
01/1991	01/1993	Công tác tại Phân xưởng Biến Thế Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện

		lực 2.
01/1993	11/1997	Công tác tại Phòng Kế hoạch Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
11/1997	10/1999	Công tác tại Phân xưởng Biến Thế 3 Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
11/1999	04/2001	Phó Trưởng Phòng Kỹ Thuật Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
05/2001	12/2002	Được EVN cử đi học Thạc Sĩ tại AIT (tại Hà Nội và Thái Lan).
01/2003	05/2004	Chuyên viên Ban Nghiên cứu và Phát triển Công Nghệ Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
05/2004	02/2008	Trưởng Ban Nghiên cứu và Phát triển Công Nghệ Công ty Cơ Điện Thủ Đức.
02/2008	09/2014	Phó Trưởng Phòng Kỹ Thuật Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
09/2014	06/2016	Phó Phòng Phụ trách Phòng Vật tư Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
06/2016	nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.

♣ Ông: **NGUYỄN THÁI SƠN** Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cổ phần sở hữu: 2 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
01/1991	12/1996	Công tác tại Nhà máy sửa chữa Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
01/1997	01/1999	Công tác tại Nhà máy Cơ Điện – Công ty Điện lực 2.
02/1999	10/1999	Phó Quản đốc phụ trách kỹ thuật sản xuất Phân xưởng Biến Thế 1 – Nhà máy Cơ Điện
11/1999	03/2003	Quản đốc Phân xưởng Biến Thế 1 – Công ty Cơ Điện Thủ Đức
04/2003	02/2017	Quản đốc Phân xưởng Cơ Điện – Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức
03/2017	06/2018	Giám đốc sản xuất – Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức
07/2018	nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.

♣ Bà: **NGUYỄN THỊ MỘNG DUYÊN** : Phó phòng - Phụ trách Phòng Kế toán – Tài chính

- Số lượng cổ phần sở hữu: 5 cổ phần.

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Chức danh
11/2002	08/2014	Nhân viên phòng Kế toán Tài chính CTCP Cơ Điện Thủ Đức
09/2014	08/2018	Phó phòng Kế toán Tài chính CTCP Cơ Điện Thủ Đức
09/2018	nay	Phó phòng, Phụ trách phòng Kế toán Tài chính CTCP Cơ Điện Thủ Đức

2.2. Những thay đổi trong hạn diễn hành:

Trong năm 2018, nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc có thêm 01 Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm : Ông Nguyễn Thái Sơn; Bà Nguyễn Thị Mộng Duyên- được bổ nhiệm Phó phòng- Phụ trách Phòng Kế toán tài chính.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động tại thời điểm 31/12/ 2018 là: 106 người

Trong đó:

- + Trên Đại học: 04
- + Đại học: 44
- + Cao đẳng, trung cấp: 12
- + Công nhân: 40
- + Lái xe: 6

- Chính sách đối với người lao động:

*** Chính sách đào tạo:**

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho CBCNV và triển khai thực hiện nghiêm túc, cụ thể như sau:

+ Đào tạo nhân viên mới với mục đích để nhân viên mới nhanh chóng nắm bắt công việc và hòa nhập vào môi trường làm việc của Công ty. Giới thiệu về Công ty và sản phẩm của Công ty, thỏa ước lao động, nội quy lao động, an toàn lao động, chức năng nhiệm vụ theo mô tả công việc của từng CBCNV, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

+ Huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu, cấp cứu,...

+ Đào tạo kỹ năng quản trị cho CBCNV cấp trung.

+ Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ như: bán hàng, kỹ năng giao tiếp, quản lý kho, quản lý chất lượng sản phẩm.

+ Đào tạo cho công nhân mới, đào tạo nâng bậc, và đào tạo công nghệ mới cho công nhân cũ,...

*** Chính sách tiền lương, thưởng:**

+ Công ty xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hệ thống thang bảng lương và phụ cấp riêng phù hợp với ngành nghề hoạt động, đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tương xứng với trình độ, công việc, năng lực và mức độ đóng góp cũng như sáng tạo của từng người, tạo được sự công bằng, động viên, khuyến khích CBCNV hăng say làm việc, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Công ty trả lương cho CBCNV theo đơn vị sản phẩm sản xuất ra và tiêu thụ trong tháng, quý, năm trên cơ sở vị trí công việc và đánh giá kết quả công việc của từng người trong tháng.

*** Các chế độ, chính sách khác với người lao động:**

+ Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

+ Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hằng năm cho CBCNV để phát hiện bệnh lý kịp thời chăm sóc và điều trị.

+ Công ty luôn chú trọng đến công tác Bảo hộ lao động, công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.

+ Công ty rất quan tâm đến môi trường và điều kiện làm việc của người lao động: trang đầy đủ phương tiện làm việc, bảo hộ lao động, áp dụng các biện pháp chống nóng, giảm bụi, giảm tiếng ồn, phụ cấp cho người lao động trong môi trường nặng nhọc, độc hại...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2018: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường năm 2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 80,73 tỷ lên 114,73 tỷ với mục đích huy động vốn để bổ sung nguồn vốn lưu động và đầu tư thêm hệ thống các trang thiết bị, nâng cấp dây chuyền sản xuất - chế tạo MBA và Phòng Thí nghiệm cao áp của Công ty (Công ty đã trang bị hệ thống 15 máy quán dây tự động, Lò sấy chân không, hệ thống máy cắt tole tự động và hệ thống máy cắt - ủ mạch từ amorphuos, đầu tư mới hệ thống sơn tĩnh điện ...; với Tổng chi phí đầu tư hơn 25 tỷ đồng). Chính nhờ những thiết bị được tăng cường này, năm 2018 năng suất lao động của Công ty đã tăng cao rõ rệt, chất lượng thành phẩm xuất xưởng ổn định, tạo được uy tín thương hiệu EMC đối với các khách hàng trong và ngoài Ngành Điện.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đvt: triệu đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2017</i>	<i>Năm 2018</i>	<i>% tăng/giảm</i>
Tổng giá trị tài sản	266.162	291.598	9.6%
Doanh thu thuần	259.081	294.701	13.7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.264	32	-98.6%
Lợi nhuận khác	(610)	794	230%
Lợi nhuận sau thuế	1.198	632	-47.2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2017</i>	<i>Năm 2018</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,58	1,38	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,37	0,57	

Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	54,51%	58,35%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	120,83%	140,11%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,26	1,64	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,97	1,01	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,46%	0,21%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,99%	0,52%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,42%	0,22%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,87%	0,01%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2018, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

* Tổng số cổ phần: **11.473.000** (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn cổ phần).

* Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

* Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.473.000 cổ phần.

* Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

STT	Loại hình sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước: Tập đoàn điện lực Việt Nam.	0	0%			
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0%			
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn:	6.628.369	57,77%	5		5
	- Trong nước	6.628.369	57,77%	5		5
	- Nước ngoài					
	Cổ đông nhỏ:	4.844.631	42,23%	728		728

4	- Trong nước	4.844.631	42.23%	728		728
	- Nước ngoài					
Tổng cộng		11.473.000	100%	733		733

(Ghi chú: Theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 18/05/2018 do VSD cung cấp)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Đến cuối tháng 03/2018, trong cơ cấu vốn sở hữu CTCP, Công ty đã thoái hết toàn bộ phần vốn nhà nước (trước đây do EVN nắm giữ).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.4. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Bao gồm gỗ và giấy, tổng giá trị không lớn chiếm dưới 0,5% giá thành.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ:

- Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp trong năm 2018 khoảng: 850.000 Kw/h.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *Không có.*

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp; Tiêu thụ bình quân: 20 m³/ngày.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn chịu sự kiểm tra và giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về môi trường. Công ty cũng đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 20m³/ngày. Trong năm 2018, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân năm 2018: 120 người, với mức lương trung bình đối với người lao động: 8.900.000 đồng/người/tháng.



b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hằng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên để xác định bệnh nghề nghiệp, xác định mức sức khỏe để có biện pháp chữa trị kịp thời. Cấp phát bảo hộ lao động đầy đủ và kịp thời tới từng bộ phận sản xuất. Môi trường sản xuất không bị vi phạm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo CNKT trung bình mỗi năm: từ 20 đến 30 giờ.
- Đối với cán bộ nghiên cứu, thiết kế, phát triển công nghệ: cho tham gia các hội thảo chuyên ngành.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn phục vụ sản xuất kinh doanh và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Luôn tham gia đóng góp khi địa phương có yêu cầu.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vầu xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Theo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ chính gồm: (1). Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (2). Xanh hoá sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh; (3). Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, trong đó việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có hành động cụ thể, thiết thực góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức luôn hướng đến việc đạt tiêu chuẩn sản xuất thân thiện đến môi trường. Cụ thể là từ năm 2008 đến nay, Công ty đầu tư dây chuyền và đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu Amorphous, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường. Trong năm 2018, Công ty cung cấp hơn 2.800 máy biến áp phân phối 1 pha, 3 pha các loại dùng vật liệu amorphous, chiếm tỷ lệ khoảng 70% doanh số bán hàng cả năm.

III. Báo cáo và đánh giá của Bau Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Dvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH2018/ KH2018	Thực hiện 2017	TH2018/ TH2017
1	Doanh thu thuần	310.000	294.701	95%	259.081	113.7%
2	Lợi nhuận sau thuế	800	632	79%	1.198	52.7%
3	Thu nhập trên mỗi cổ		48		95	57.8%

phần (EPS) (đồng)					
-------------------	--	--	--	--	--

Nhìn chung, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đề ra. Nguyên nhân không đạt được kế hoạch doanh thu là năng lực cạnh tranh thị trường chưa cao, lợi nhuận không đạt là do chi phí bán hàng năm 2018 tăng, chi phí quản lý tăng. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2018 cũng giảm, chỉ đạt 632 triệu đồng (chỉ bằng 79% so với kế hoạch).

Trong cơ cấu doanh thu 2018 thì doanh thu bán hàng đạt 294.7 tỷ đồng chiếm 100% doanh thu và lợi nhuận gộp là 29.8 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp của hoạt động bán hàng là 10.1%, thấp hơn mức 11.7% của năm 2017.

Cơ cấu doanh thu 2016-2018:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2016		2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ bán hàng	273.438	98,8%	240.200	93%	292.483	99%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.291	1,2%	18.960	7%	2.218	1%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	79	0%	0	0%
Tổng	276.729	100%	259.081	100%	294.701	100%

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2016-2018:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2016		2017		2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
LN gộp từ hoạt động bán hàng	48.314	106%	19.678	65%	27.820	93%
LN gộp từ cung cấp dịch vụ	(2.706)	(6%)	10.757	35%	2.030	7%
Tổng	45.608	100%	30.435	100%	29.850	100%

Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu 2016-2018:

Khoản mục	2016	2017	2018
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu hoạt động bán hàng	17,7%	8,2%	9,5%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu cung cấp dịch vụ	(81,8%)	56,3%	91,5%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu	16,5%	11,6%	10,1%

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng tài sản của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức đạt 291,59 tỷ đồng, tăng 25,43 tỷ đồng, tương ứng tăng 9,5% so với năm 2017. Xét về mặt cơ cấu thì tài sản ngắn hạn tăng 2% chiếm 80% tổng tài sản và tài sản dài hạn tăng 55.8% chiếm 20% tổng tài sản.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn thì tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 3% tăng 40%, các khoản phải thu chiếm 26% tăng 42%, hàng tồn kho chiếm 51% giảm 15%, tài sản ngắn hạn khác chiếm 0% giảm 62% so với cùng kỳ.

Đối với cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định chiếm 15% tăng 71% và đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào công ty liên kết) chiếm 3,4% so với cùng kỳ.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2017		2018		Tăng/ (giảm) so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	228.670	86%	233.175	80%	4.505	2%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.122	3%	10.035	3%	2.913	40%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.000	6%	0	0%	-15.000	-100%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	30.685	12%	74.438	26%	43.753	42%
IV. Hàng tồn kho	175.042	66%	148.393	51%	-26.649	-15%
V. Tài sản ngắn hạn khác	820	0%	309	0%	-511	-62%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	37.492	14%	58.423	20%	20.931	56%
I. Các khoản phải thu dài hạn	24	0%	24	0%	0	0%
II. Tài sản cố định	25.559	10%	43.665	15%	18.106	71%
III. Tài sản dở dang dài hạn	922	0%	1.741	0.6%	819	89%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.089	4%	10.089	3.4%	0	0%
V. Tài sản dài hạn khác	897	0%	2.903	1%	2.006	224%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	266.162	100%	291.598	100%	25.436	10%

2.2. Tiuh hình ượ phải trả:

Tổng nợ phải trả của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2018 là 170,1 tỷ đồng chiếm 58% tổng nguồn vốn, tăng 24.9 tỷ đồng tương đương với tăng 17,2% so với năm 2017. Trong cơ cấu nợ phải trả thì nợ ngắn hạn là 169,3 tỷ đồng chiếm 58% tổng nguồn vốn. Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản nợ thương mại như phải trả cho người bán 91,4 tỷ đồng, người mua trả tiền trước 0,8 tỷ đồng, thuê và các khoản phải nộp Nhà nước 0,88 tỷ và vay của các Ngân hàng thương mại 69,5 tỷ đồng.

Đối với khoản nợ dài hạn 0,8 tỷ đồng thì trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 0,79 tỷ đồng.

Tổng nợ vay của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2018 là 70,34 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn là 69,55 tỷ đồng còn lại vay dài hạn là 0,79 tỷ đồng.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2017		2018		Tăng/ giảm so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
C. NỢ PHẢI TRẢ	145.225	55%	170.154	58%	24.929	17%
I. Nợ ngắn hạn	144.443	55%	169.349	58%	24.906	17%
II. Nợ dài hạn	781	0%	805	0%	24	3%
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	120.937	45%	121.444	42%	507	0.4%
I. Vốn chủ sở hữu	120.892	45%	121.444	42%	552	0.4%
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	45	0%	0	0%	-45	-100%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	266.162	100%	291.598	100%	25.436	10%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2018, Công ty xác định mô hình của công ty là Công ty cổ phần tư nhân, tổ chức sắp xếp lại lực lượng lao động trực tiếp và gián tiếp phù hợp theo hướng tinh gọn, tiết giảm chi phí, giảm các cấp quản lý trung gian, giảm chồng chéo công việc, chức năng giữa các bộ phận, nâng cao năng suất lao động. Quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh- tài chính bằng phần mềm tiên tiến nên đã kiểm soát tốt kết quả kinh doanh- quản lý vật tư và công tác tài chính - lao động tiền lương nói chung; để từng bước đưa hoạt động quản lý, tổ chức kinh doanh của Công ty theo mô hình các Công ty sản xuất thiết bị điện tiên tiến trong khu vực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong năm 2019 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chương trình tái cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, đầu tư trang thiết bị theo hướng công nghệ hiện đại tiên tiến để Công ty kinh doanh hiệu quả. Công ty vẫn xây dựng lĩnh vực hoạt động cốt lõi là sản xuất thiết bị điện với sản phẩm chính là máy biến áp truyền tải và phân phối các loại, cụ thể:

4.1. Về công tác sản xuất

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các hệ thống, dây chuyền sản xuất máy biến áp phân phối, truyền tải, dây chuyền sản xuất cơ khí và máy móc thiết bị trong hệ thống theo kế hoạch đã đặt ra, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí.

+ Sản lượng sản xuất hàng tháng được điều chỉnh linh hoạt theo phản ứng của thị trường trên cơ sở tham chiếu kế hoạch sản lượng năm 2018; Tiếp tục tăng cường sản xuất các sản phẩm máy biến áp phân phối có chất lượng, giá trị kinh tế- kỹ thuật cao, đang được thị trường công nghiệp điện tiêu thụ tốt.

+ Chất lượng sản phẩm:

Tìm các giải pháp quản lý chất lượng toàn diện từ khâu sản xuất đầu tiên đến khâu cuối cùng. Theo đó, cần kiểm soát chặt chẽ công tác thiết kế, thu mua vật tư, nguyên liệu đầu vào, đặc biệt đối với các nguyên liệu chính như: sắt thép, tole silic, dầu cách điện, sứ cách điện. Đồng thời, nghiêm túc thực hiện đúng quy trình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong các công đoạn sản xuất.

Thực hiện công tác kiểm soát bán thành phẩm tại các công đoạn nhằm loại bỏ những sản phẩm lỗi, kiểm soát chặt chẽ thành phẩm trên theo mẫu và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở đã công bố.

4.2. Về công tác ughiêu cứu và phát triển sản phẩm mới

Căn cứ theo phản ứng của khách hàng/thị trường Công ty xem xét và ra quyết định đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu amorphous, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường; đầu tư dây chuyền sản xuất máy biến áp truyền tải 110KV-220KV.

4.3. Về công tác bán hàng

Nâng cao khả năng dự báo thị trường và lập các báo cáo phân tích thị trường, đối thủ cạnh tranh, so sánh chất lượng, giá bán sản phẩm, quy mô sản xuất của đối thủ làm cơ sở cho lãnh đạo công ty quyết định những chính sách phù hợp.

Triển khai công tác hỗ trợ khách hàng tiêu thụ bằng cách tiếp cận, quảng bá sản phẩm của Công Ty đối với nhiều đối tượng khách hàng theo vùng miền, phân theo khu vực; thường xuyên thăm dò ý kiến phản hồi của khách hàng.

Tiếp tục tìm kiếm các nhà phân phối/đại lý tiêu thụ có đủ tiềm lực tham gia vào kênh phân phối của công ty.

Tập trung quảng bá, chào bán các loại sản phẩm mới/có nhiều tính năng ưu việt dự kiến sản xuất ra thị trường. Đánh giá phản hồi từ phía khách hàng từ đó định hướng cơ cấu sản phẩm cho sản xuất.

Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt đảm bảo tiêu thụ được và không làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty đã đặt ra.

Gia tăng hiệu quả công tác hậu mãi chăm sóc khách hàng để thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

4.4. Công tác quản trị chi phí

Tiếp tục khai thác kết quả nghiên cứu tiết giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất/ trong công tác thiết kế kỹ thuật.

Rà soát chi phí sản xuất, trong đó tập trung kiểm soát các chi phí có giá trị lớn như: chi phí vật tư, chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị định kỳ trong Công Ty, chi phí bảo hành, bảo trì sản phẩm, chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đăng ký.

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm tối đa văn phòng phẩm, các thiết bị, trang cụ lao động tại các đơn vị trực thuộc và ở cấp độ Công Ty.

- Tăng cường kiểm tra chặt chẽ qui trình mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào..

- Rà soát lại hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, định mức giao khoán tiền lương, các qui chế khoán quản lý trong kinh doanh, trong từng công đoạn sản xuất.

4.5. Công tác quản lý và điều hành

Thực hiện điều hành sản xuất theo thị trường một cách linh hoạt để sản xuất các mặt hàng đáp ứng yêu cầu thị trường và thị hiếu khách hàng,

Theo dõi chặt chẽ tình trạng công nợ bị chiếm dụng vốn, rà soát các tài sản chưa đưa vào sử dụng, tài sản không sử dụng để thanh lý thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD.

Rà soát, xây dựng định mức tiêu hao vật tư trong sản xuất, trên cơ sở tiết giảm chi phí, phân đầu thực hiện thấp hơn KH SXKD năm 2018 Công ty đã thực hiện.

Duy trì việc minh bạch, công khai hoá toàn bộ các mặt hoạt động SXKD trong công ty.

4.6. Công tác đầu tư XDCB năm 2019 để đạt được mục tiêu đề ra.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra, Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức sẽ tiếp tục hoàn thiện các hạng mục đầu tư dở dang của năm 2018 chuyển sang; đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để huy động thêm vốn đầu tư nhằm mục đích phát triển Công ty trong dài hạn; khai thác triệt để các lợi thế sẵn có của các công trình đã được đầu tư từ các dự án trước đây của Công Ty.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Để giảm thiểu các tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội, Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất, cụ thể:

- Thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
- Các công trình xử lý môi trường trong quá trình sản xuất như xử lý nước thải, thu gom rác, chất thải thường xuyên đảm bảo hoạt động.
- Thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình sản xuất.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, cũng như vận hành các hệ thống xử lý nhằm khống chế đến mức thấp nhất các tác động của tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018, mọi hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động trong năm 2018 của công ty tuy vẫn còn nhiều khó khăn trong cơ chế thị trường; nhưng Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cùng các đơn vị trong công ty cùng nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua. Mặc dù có sự thống nhất cao giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhưng kết quả thực hiện năm 2018 chưa đạt chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch. Nguyên nhân là công ty đang trong giai đoạn sắp xếp lại nhân sự nên chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động vẫn còn cao, làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, kết quả là đến cuối năm lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, xét về mặt tổng thể thì hoạt động sản xuất kinh doanh đã có chuyển biến tích cực với năng suất lao động ngày càng tăng cao mặc dù biên chế lao động

giảm đáng kể sau quá trình tái cơ cấu; công ty bảo tồn được nguồn vốn và có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã luôn song hành cùng với Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trước tình hình thị trường thiết bị điện còn gặp nhiều biến động, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả trong điều hành hoạt động kinh doanh, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tính minh bạch trong sản xuất kinh doanh được duy trì và tạo điều kiện cho cổ đông của công ty cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát của mình.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị phù hợp với công ty theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh của công ty trong quá trình kinh doanh, đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.
- Tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên quan như quản trị doanh nghiệp, kiểm soát sản phẩm và quảng bá hình ảnh Công ty để xây dựng và phát triển thương hiệu EMC nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nâng cao vị thế của công ty.
- Quản lý tài chính hiệu quả, chặt chẽ, kiểm soát dòng tiền, làm tăng khả năng quay vòng vốn, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài chính.
- Tăng cường công tác quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn hoạt động của Công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán.

V. **Quản trị công ty:**

1. **Hội đồng quản trị:**

1.1 **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (đến 31/12/2018):**

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết	Ghi chú
01	Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	8	0%	
02	Hồ Đắc Ngọc	Ủy viên HĐQT Độc lập	0	0%	
03	Đặng Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	523.164	4,56%	
04	Hoàng Minh Bách	Ủy viên	2.376.689	20,72%	

		HDQT			
--	--	------	--	--	--

1.2. Các tiền han thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HDQT	25/05/2013	11/11	100%	
02	Ông Bùi Phước Quảng	Thành viên HDQT	25/05/2013	05/11	45,45 %	Miễn nhiệm thành viên HDQT ngày 28/06/2018
03	Ông Hồ Đắc Ngọc	Thành viên HDQT độc lập	28/06/2018	06/11	54,54 %	Trúng cử thành viên HDQT ngày 28/06/2018
04	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HDQT	30/12/2016	11/11	100%	
05	Ông Hoàng Minh Bách	Thành viên HDQT	30/12/2016	11/11	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Bảo cáo năm 2018):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	BB/CĐTĐ-HDQT	08/02/2018	Biên bản họp Hội đồng Quản trị về việc Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị / Tổng Giám đốc quyết định việc đăng ký hạn mức tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP phát triển TP. Hồ Chí Minh (HD Bank) để phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018 .
02	01/NQ/CĐTĐ-HDQT	19/04/2018	Chốt danh sách cổ đông- tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của CTCP Cơ điện Thủ Đức.
03	01 b/NQ/CĐTĐ-HDQT	08/05/2018	Điều chỉnh tỷ lệ cơ cấu vốn đầu tư trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2016 (nâng vốn điều lệ từ 80,73 tỷ đồng lên 114,73 tỷ đồng).
04	03/BC/CĐTĐ-HDQT	06/6/2018	Thông qua Báo cáo tiến độ sử dụng

			vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng.
05	04/NQ/CĐTĐ-HĐQT	18/06/2018	Các dự thảo báo cáo – Tờ trình thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
06	07/NQ/CĐTĐ-HĐQT	28/07/2018	Chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2018.
07	11/NQ/CĐTĐ-HĐQT	30/08/2018	Chấp thuận Đơn nghỉ việc của Kế toán trưởng và giao nhiệm vụ phụ trách Phòng KTTC.
08	14/NQ/CĐTĐ-HĐQT	10/09/2018	Ban hành sơ đồ tổ chức mới của Công ty.
09	15/NQ/CĐTĐ-HĐQT	15/09/2018	Chốt Danh sách cổ đông – lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
10	18/NQ/CĐTĐ-HĐQT	19/09/2018	Hủy bỏ Nghị quyết số 15/NQ/CĐTĐ-HĐQT, ngày 15/09/2018
11	20/NQ/CĐTĐ-HĐQT	15/11/2018	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị thông qua chủ trương thành lập Phòng Kinh doanh dự án - Phòng Marketing

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Giám sát và phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị- Tổng Giám đốc (theo Điều lệ Công ty).

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty:

- Nguyễn Minh Quang – Chủ tịch HĐQT.
- Bùi Phước Quảng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2018 do Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tổ chức: Nguyễn Minh Quang – Chủ tịch HĐQT.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
01	Nguyễn Đăng Minh	Trưởng ban	0	0%
02	Trần Văn Thiệp	Thành viên	0	0%
03	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng Ban	28/6/2018	02/04	50%	Miễn nhiệm từ 28/6/2018
2	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	28/06/2018	02/04	50%	“
3	Nguyễn Ngọc	Thành viên	28/06/2018	02/04	50%	“
4	Nguyễn Đăng Minh	Trưởng Ban	28/6/2018	02/04	50%	Trúng cử từ 28/6/2018 (nhiệm kỳ 2018-2023)
5	Trần Văn Thiệp	Thành viên	28/06/2018	02/04	50%	“
6	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	28/06/2018	02/04	50%	“

Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2018, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp được HĐQT mời tham dự, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện các chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành trong việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông.
- Lãnh đạo của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành.
- Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật thông qua việc đóng góp ý kiến và dự thảo đã phát huy được tinh thần tập thể. Do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác, quản lý điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
-----	------------	---------	-----------------------	------------------------	-------------------------	---------------------------

1	Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch	270	-	-	270
2	Bùi Phước Quảng	Thành viên	244,8	-	-	244,8
3	Hồ Đắc Ngọc	Thành viên	-	-	18	18
4	Đặng Quốc Việt	Thành viên	-	-	36	36
5	Hoàng Minh Bách	Thành viên	-	-	36	36

Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban	60	-	-	60
2	Nguyễn Thị Hải Yên	Thành viên	-	-	12	12
3	Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên	-	-	12	21
4	Nguyễn Đăng Minh	Trưởng ban	60	-	-	60
5	Trần Văn Thiệp	Thành viên	-	-	12	12
6	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	-	-	12	12

Ban Điều hành:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Bùi Phước Quảng	Tổng Giám đốc	244,8	-	-	244,8
2	Huỳnh Vĩnh Phú	Phó Tổng Giám đốc	226,2	-	-	226,2
3	Phùng Quang Khang	Phó Tổng Giám đốc	226,5	-	-	226,5
4	Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	223,04	-	-	223,04
5	Nguyễn Thị Mộng Duyên	Phụ trách Phòng KTTT	151,8	-	-	151,8

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tốt

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán TPP): “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính của Công ty được lưu giữ tại văn phòng Công ty và được công bố trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://codientd.com/quan-he-co-dong/> ./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Minh Quang

